

CHUYÊN ĐỀ 5. BIỂU ĐỒ KẾT HỢP

1. Dấu hiệu nhận biết

- **Khả năng thể hiện:** Biểu đồ cột thể hiện được mối liên hệ của 2 đối tượng mà các dạng biểu đồ khác không thể hiện được.

- Dấu hiệu nhận biết

+ Thường xuất hiện các cụm từ: quy mô và cơ cấu, sự phát triển, sự phát triển, tình hình phát triển,...

+ Mốc thời gian: ≥ 4 năm.

+ Có 2 đơn vị khác nhau.

- **Một số dạng biểu đồ cột thường gặp:** Cột và đường, cột và tròn.

2. Cách vẽ biểu đồ kết hợp

Bước 1: Phân tích bảng số liệu và xây dựng hệ trục tọa độ

- Phân tích bảng số liệu để tìm số lớn nhất, nhỏ nhất nhằm chia hệ trục tọa độ.

- Xác định tỉ lệ, phạm vi khổ giấy phù hợp.

- Xây dựng hệ trục tọa độ hợp lý chiều cao 2 trục tung = $\frac{2}{3}$ chiều dài trục hoành.

- Đánh số chuẩn trên trục 2 tung phải cách đều nhau (lưu ý 2 trục không liên quan nhau về số liệu).

Bước 2: Vẽ biểu đồ

- Thông thường - Cột (nhiều đơn vị giống nhau - cột chồng) là trục tung bên trái (số liệu khá phức tạp).

- Đường (có 1 đơn vị) là trục tung bên phải (số liệu khá đơn giản).

- Không được tự ý sắp xếp lại thứ tự số liệu (nếu không có yêu cầu).

- Năm đầu tiên và năm cuối cùng phải cách 2 trục tung khoảng 0,5 - 1,0 cm (trừ trường hợp nhiệt độ và lượng mưa của 12 tháng trong năm).

- Điểm của Đường phải nằm chính giữa năm (nên hoàn thành đường để tránh nói nhảm).

Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

- Ghi đầy đủ số liệu cho Cột và đường.

- Hoàn chỉnh bảng chú giải và tên biểu đồ.

* **Lưu ý:**

- Khoảng cách năm thật chính xác.

- Không dùng các nét đứt để nối sang trục tung (gây rườm rà, đường và cột sẽ bị cắt).

3. Cách nhận xét biểu đồ kết hợp

- Nhận xét chung nhất.

- Nhận xét từng đối tượng (cột nhận xét tương tự biểu đồ cột), sự tăng hay giảm của các đối tượng, sự liên tục hay không liên tục,...

- Nhận xét các mốc năm (tăng, giảm như thế nào)?

- Tìm mối liên hệ giữa các đối tượng.

- Kết luận và giải thích.

4. Những lỗi thường gặp khi vẽ biểu đồ kết hợp

- Các yếu tố chính trên biểu đồ

+ Thiếu số liệu trên cột.

+ Thiếu đơn vị ở trục tung và trục hoành.

+ Thiếu số 0 ở góc tọa độ.

+ Chia sai khoảng cách năm ở trục hoành, sai tỉ lệ ở trục tung.

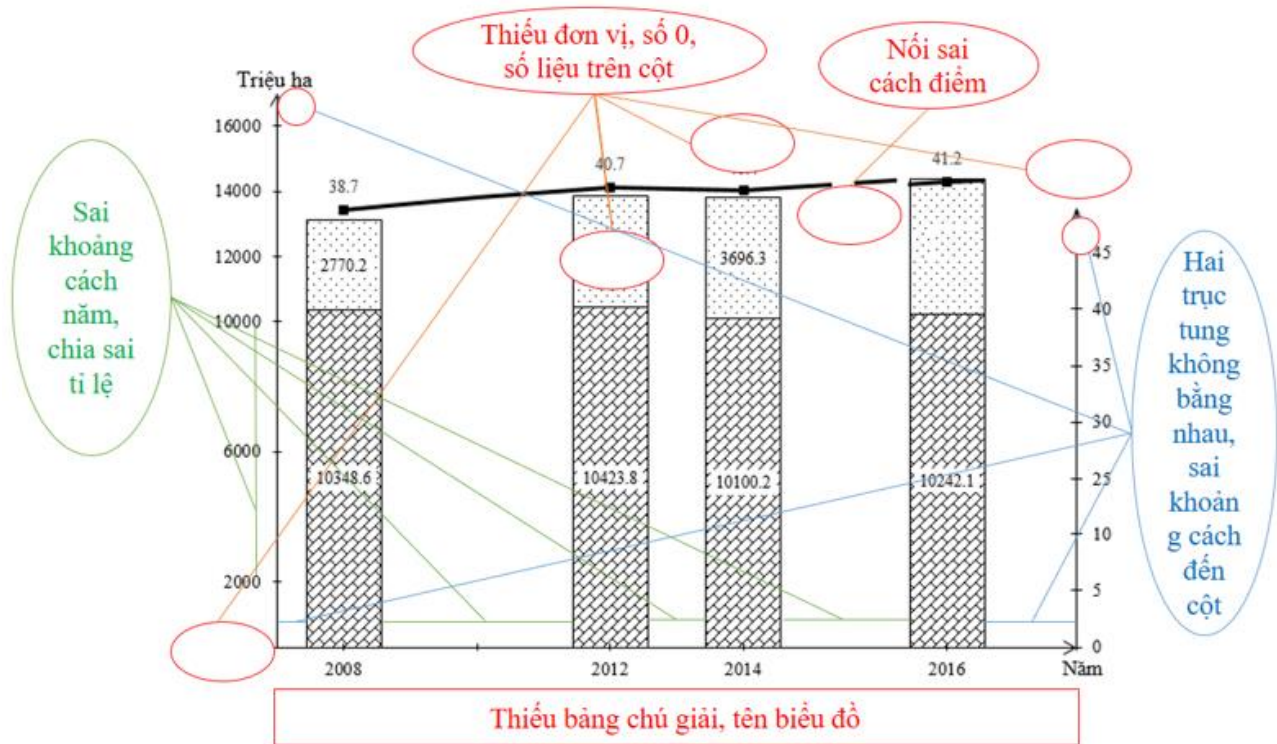
+ Độ rộng các cột khác nhau, cùng một đối tượng nhưng có kí hiệu khác nhau.

+ Chiều cao 2 trục tung không bằng nhau, khoảng cách từ cột đến 2 trục tung khác nhau.

+ Điểm của đường không nằm chính giữa cột.

- Các yếu tố phụ ngoài biểu đồ: thiếu tên biểu đồ hoặc bảng chú giải.

VIETJACK



5. Một số bài tập minh họa về biểu đồ kết hợp

Bài tập 1: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2017

Năm	2005	2010	2015	2017
Sản lượng (nghìn tấn)	3467	4200	4870	5128
- Khai thác	1988	2075	2280	2421
- Nuôi trồng	1479	2125	2590	2707
Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	38784	47014	53654	56966

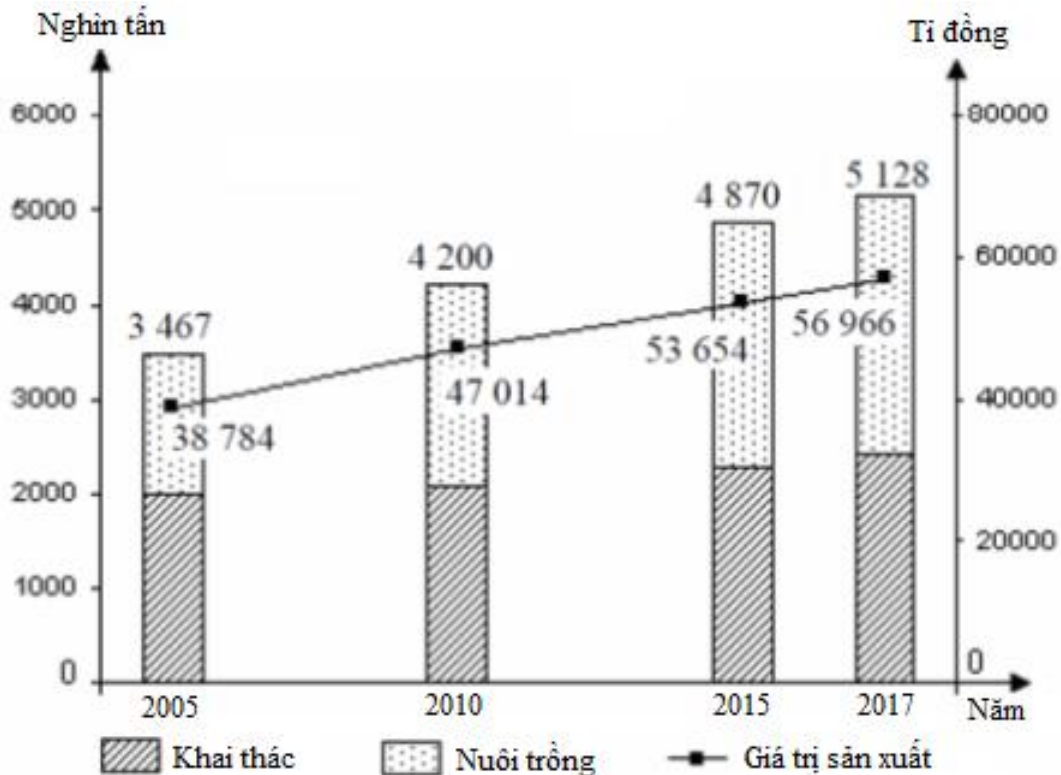
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2005 - 2017?

b) Nhận xét tình hình phát triển của ngành thủy sản ở nước ta và giải thích.

Hướng dẫn trả lời

a) **Vẽ biểu đồ**



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2017

b) Nhận xét và giải thích

* Nhận xét

- Sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản qua các năm đều tăng.
- + Tổng sản lượng thủy sản tăng: 1661 nghìn tấn; trong đó sản lượng thủy sản khai thác tăng thêm 433 nghìn tấn, nuôi trồng tăng 1228 nghìn tấn.
- + Giá trị sản xuất tăng: 18182 nghìn tỉ đồng.
- Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.
- Năm 2005, sản lượng khai thác lớn hơn sản lượng nuôi trồng. Nhưng từ năm 2010, sản lượng nuôi trồng đã vượt lên trên sản lượng khai thác.

* Giải thích

- Nguyên nhân chủ yếu làm tăng sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản là do nước ta mở rộng được thị trường quốc tế, trong nước). Ngoài ra, do một vài nguyên nhân khác về tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác là do nuôi trồng chủ động được về sản lượng và chất lượng sản phẩm để phục vụ thị trường.

- Từ 2010, sản lượng nuôi trồng vượt sản lượng khai thác do có tốc độ tăng nhanh hơn, trong khi đó khai thác gặp một số khó khăn về phương tiện, nguồn lợi hải sản ven bờ suy giảm,...

Bài tập 2: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

Năm	Diện tích (nghìn ha)		Năng suất (tạ/ha)
	Tổng số	Lúa mùa	
2010	7666	2366	42,4
2013	7452	2109	46,4
2015	7329	2038	48,9
2017	7207	2016	49,9
2018	7400	2018	52,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

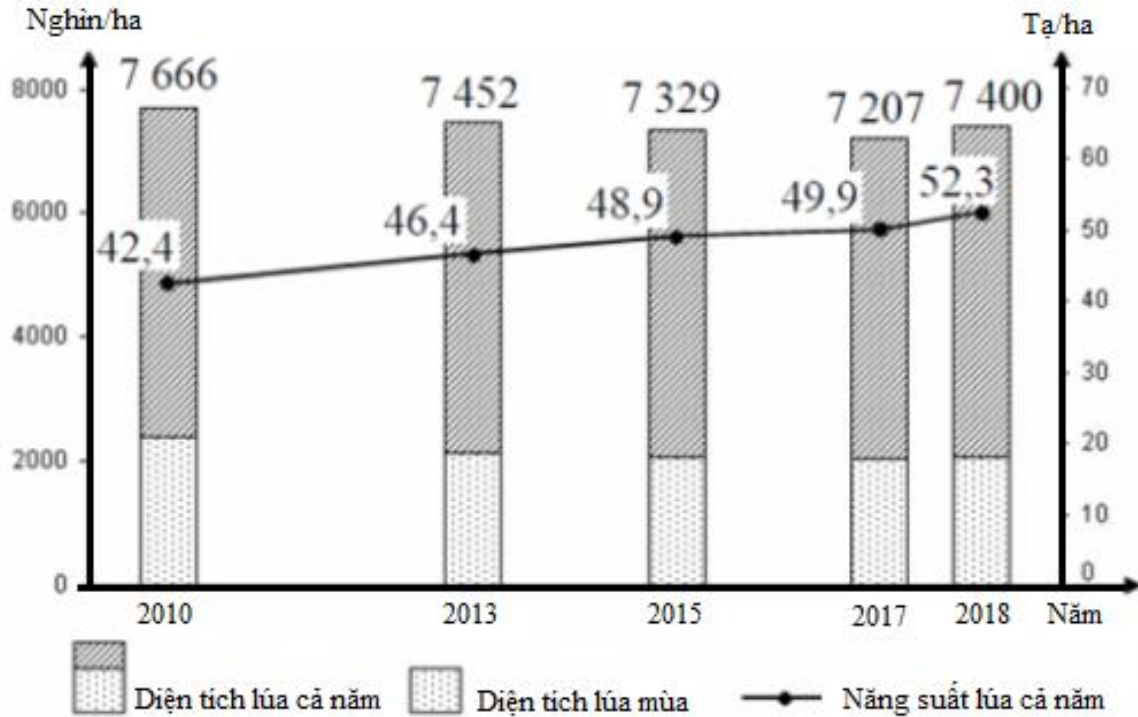
a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2018.

b) Nhận xét tình hình sản xuất lúa của nước ta và giải thích.

Hướng dẫn trả lời

a) *Vẽ biểu đồ*

VIETJACK



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT LÚA Ở NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

b) Nhận xét và giải thích

** Nhận xét*

- Diện tích lúa cả năm và diện tích lúa mùa đều có xu hướng giảm (266 nghìn ha đối với lúa cả năm và 342 nghìn ha đối với lúa mùa).

- Năng suất lúa cả năm tăng liên tục (từ 42,4 tạ/ha lên 52,3 tạ/ha).

** Giải thích*

- Diện tích lúa có xu hướng giảm chủ yếu là do kết quả của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa (đất nông nghiệp chuyển sang thành đất chuyên dùng, đất ở).

- Năng suất lúa cả năm tăng do thâm canh, tăng vụ,...

Bài tập 3: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Năm	2010	2012	2013	2015
Sản lượng điện (tỉ kWh)	8,6	11,0	12,2	16,0
Sản lượng than (nghìn tấn)	240	471	380	420

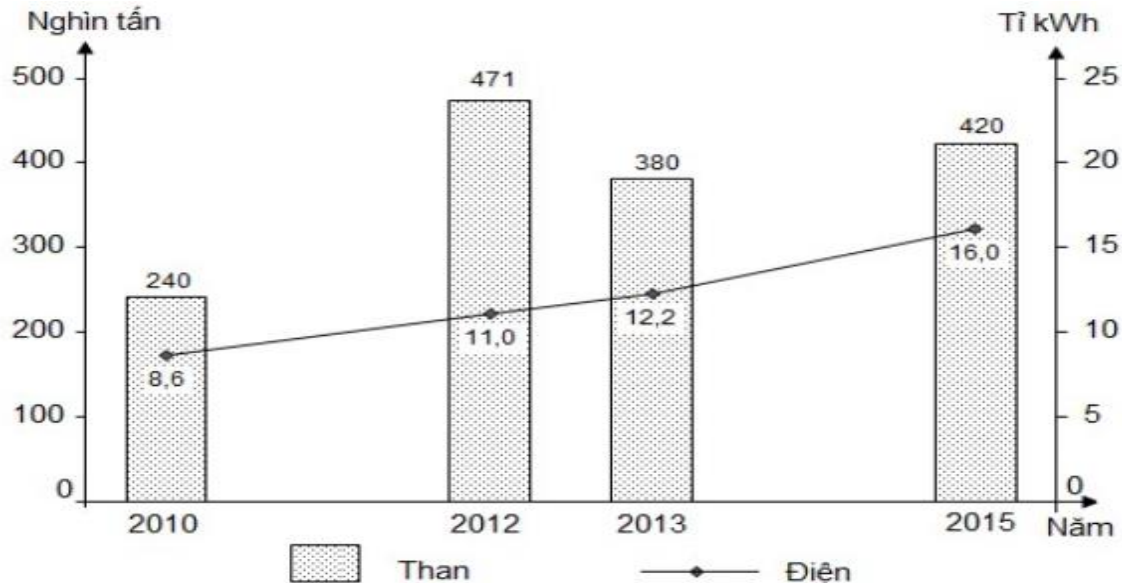
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng điện và than của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015?

b) Nhận xét tình hình phát triển của ngành than và điện. Giải thích?

Hướng dẫn trả lời

a) *Vẽ biểu đồ*



SẢN LƯỢNG THAN VÀ SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

b) *Nhận xét và giải thích*

* *Nhận xét*

- Sản lượng than và sản lượng điện của Mi-an-ma tăng nhưng không ổn định.
- Sản lượng điện tăng liên tục qua các năm, tăng thêm 7,4 tỉ kWh.
- Sản lượng than có xu hướng tăng (tăng 180 nghìn tấn) nhưng không ổn định:
- + Giai đoạn 2010 - 2012 và 2013 - 2015 tăng.
- + Giai đoạn 2012 - 2013 giảm.
- Điện tăng nhanh hơn than (186,0% so với 175,0%).

* *Giải thích*

- Điện tăng lên liên tục là phù hợp với nhu cầu phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, sản xuất công nghiệp cần nhiều năng lượng (điện, than đều tăng).

- Than không ổn định và tăng chậm hơn điện là do than gây ô nhiễm môi trường, sự biến động của thị trường than (giá, nhu cầu,...).